

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 169/2025/HS-ST

Ngày: 15/4/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân

Thẩm phán: Ông Vũ Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2. Bà Trần Thị Như Phương

3. Bà Võ Thị Nam

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quang, Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Nguyễn Thanh Thuận, Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 15/4/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 114/2025/HSST ngày 14/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 1585/2025/QĐXXST-HS ngày 27/3/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hữu T**; giới tính: nam; sinh ngày 05/8/1969 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú trước khi bị bắt: C A, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trần Hữu Đ (chết) và bà Nguyễn Thị C (chết); vợ Tạ Hồ Thị X; có 01 con sinh năm 1996;

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt, tạm giữ: 08/5/2024;

Tạm giam: 18/5/2024;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Lâm Quốc V**, luật sư của Văn phòng L1, Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

Bị hại:

1. Ông **Tạ Hoàng Đ1**; sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: C đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (bl.92); có mặt.

2. Ông **Lê Minh V1**; sinh năm 1979; nơi đăng ký thường trú: 5, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, nơi cư trú: 5 C, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (bl.88, 99); vắng mặt.

3. Ông **Võ Ngọc T1**; sinh ngày 01/01/1984; nơi đăng ký thường trú: B13D/17S, Ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: C, Hẻm C, Tổ A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (bl.90, 98); vắng mặt.

4. Ông **Trương Quang S**; sinh ngày 07/4/1984; nơi đăng ký thường trú: thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: B, Tổ B, Ấp B, xã V, huyện B (bl.101); vắng mặt.

5. Ông **Nguyễn Thành L**; sinh năm 1977; nơi cư trú: 141/77/9 đường T, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

6. Ông **Đặng Trung P**; sinh ngày 01/5/1982, chết ngày 08/12/2022;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Trung P:

- Bà Nguyễn Thị T2; sinh năm 1961; mẹ đẻ của ông Đặng Trung P (bl.76); vắng mặt;

- Bà Trương Thị Kim M; vợ của ông Đặng Trung P; vắng mặt;

- Trẻ Đặng Cửu P1; sinh năm 2010; con của ông Đặng Trung P;

- Trẻ Đặng Tiến P2; sinh năm 2018; con của ông Đặng Trung P;

Cùng đăng ký thường trú tại: Khu phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định (bl.76-79);

Bà T2 đồng thời là người đại diện hợp pháp của trẻ P1 và P2.

7. Bà **Nguyễn Thị Bích T3**; sinh năm 1966; cư trú tại: H67/14C K đường H, Tổ A, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

8. Bà **Đào Nguyễn Thảo N**; sinh năm 1991; cư trú tại: H67/14C K đường H, Tổ A, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông **Tạ Hồ Công T4**, sinh năm 1959; nơi đăng ký thường trú: C đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra xác định được như sau:

Năm 1995, Trần Hữu T quen biết và sống chung như vợ chồng với bà Tạ Hồ Thị X tại nhà trọ tại khu vực Phường A, quận T. Năm 1996, khi bà X và T có con chung là trẻ Trần Hồ Thu T5, được sự đồng ý của cha mẹ đẻ của bà X, cả hai về sinh sống tại địa chỉ C Ấ, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống tại nhà cha mẹ đẻ của bà X, T không lo làm ăn nên thường bị cha mẹ đẻ của bà X la mắng. Vì tức giận, T dẫn bà X và con ra ngoài thuê phòng trọ để ở riêng; đồng thời, T cấm bà X không được qua lại với gia đình bà X. Do bị áp lực nên bà X nhiều lần dẫn con bỏ trốn đi ở nơi khác nhưng đều bị T phát hiện và đưa về lại nhà trọ.

Đến năm 1999, bà X tiếp tục dẫn con gái bỏ trốn, T đi tìm nhưng không tìm được. Vì nghi ngờ ông T4 che giấu bà X nên T đã cự cãi, đe dọa đốt nhà và bắt cóc con ông T4. Khoảng 10 giờ ngày 23/10/2000, T điều khiển xe máy Honda Cub 81 màu xanh (không nhớ biển số) đi mua 10 lít dầu máy may về cho ông Nguyễn B (là chủ vừa bán valy nơi T làm thuê). Khi chạy xe ngang qua nhà ông T4 tại địa chỉ số I đường Ấ, Tổ D, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là nhà số E đường Ấ, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh), T nảy sinh ý định mua xăng đốt nhà ông T4. T điều khiển xe đi đến trạm bơm xăng tay (không nhớ địa chỉ) trên đường Ấ mua 05 lít xăng (đựng trong can nhựa màu trắng loại 20 lít, nắp đậy màu đỏ) rồi chạy xe quay lại nhà anh T4. Lúc này, thấy cửa cổng và cửa nhà mở, T đi vào trong thì gặp cháu Tạ Hoàng Đ1 (sinh ngày 13/11/1991, con ông T4) đang đứng ở chân cầu thang, nơi có cửa kéo sắt ngăn cách phòng để xe phía ngoài với khu vực phòng cho thuê phía trong. T hỏi Đ1 “cô X có về đây không con”. Đồng trả lời “không có” rồi đi lên trên gác. Thấy vậy, T liền đi ra chỗ dựng xe (xe vẫn còn nổ máy), lấy can xăng mang vào bên trong nhà, mở nắp, đổ xăng xuống nền gạch cho tràn vào phía trong nhà rồi ném can tại hiện trường. Tiếp theo, T lấy bật lửa đốt bông gòn (chuẩn bị từ trước) ném vào nơi vừa đổ xăng làm lửa bùng cháy rồi bỏ đi. Lúc này, trong nhà của ông T4 có ông Đ1 và những người thuê ở trọ là bà Nguyễn Thị Bích T3, ông Đặng Trung P (sinh ngày 01/5/1982), ông Lê Minh V1, ông Nguyễn Thành L, ông Trương Quang S (sinh ngày 07/4/1984), ông Võ Ngọc T1 (sinh ngày 01/01/1984), bà Đào Nguyễn Thảo N (sinh năm 1991). Khi thấy lửa bùng cháy, Đồng tri H cho mọi người biết. Quần chúng nhân dân đã hỗ trợ dập lửa, đập tường, cứu được những người đã nêu, đưa đến Bệnh viện cấp cứu.

Nhận được tin báo, Công an quận T phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiến hành khám nghiệm hiện trường, làm rõ nguyên nhân vụ việc.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Căn nhà có diện tích 04x19m, kết cấu bằng tường gạch, gác gỗ, mái tôn, 11m chiều dài đầu tiên được xây dựng riêng

biệt có gác gỗ, phía dưới trệt được chia làm 03 phòng, mỗi phòng kích thước 2,1x2,5m, làm bằng vật liệu gỗ ván ép. Bên ngoài, có lối đi rộng 1,2m, phía trước nhà có hàng rào bảo vệ cao 2,5m. Trong đó, 04x11m tầng trệt và gác gỗ bị cháy toàn bộ.

Vùng cháy đầu tiên tại nền gạch bông bị vỡ, kích thước 0,85 x 2,1m, cách cửa chính ra vào 01m, cách lối lên gác gỗ 40cm (bl.276-279).

Trong quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) can nhựa màu trắng, loại 20 lít, bị cháy xém đẹp (đã qua sử dụng); 01 (một) nắp đậy can nhựa màu đỏ, loại 20 lít (đã qua sử dụng).

Bản kết luận giám định số 2503/C21B ngày 30/10/2000 của Phân viện Khoa học Hình sự, T6 - Bộ C1 kết luận “*Mẫu than và bông thu tại hiện trường vụ cháy nhà số I, Ấ, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh gửi đến giám định có chứa thành phần xăng dầu (Hydrocarbon)*” (bl.136).

Hành vi của bị cáo đã gây thương tích và tổn hại sức khỏe cho 08 người, trong đó có 02 người dưới 16 tuổi; làm hư hỏng tầng trệt căn nhà 5 đường A, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (số mới) và hủy hoại một số tài sản để trong căn nhà đã nêu.

Bản giám định y pháp số 1609/TT.00 ngày 07/12/2000 của Tổ chức giám định Pháp y- Pháp y tâm thần, Sở Y tế Thành phố H kết luận về tình trạng sức khỏe của ông *Lê Minh V1 như sau: Viêm phế quản cấp do bị ngạt khói. Tỷ lệ thương tật là 05% (năm phần trăm) vĩnh viễn* (bl.138).

Bản giám định y pháp số 1610/TT.00 ngày 07/12/2000 của Tổ chức giám định Pháp y- Pháp y tâm thần, Sở Y tế Thành phố H kết luận về tình trạng sức khỏe của ông *Võ Ngọc T1 như sau: Viêm phế quản cấp do bị ngạt khói. Tỷ lệ thương tật là 05% (năm phần trăm) vĩnh viễn* (bl.142).

Bản giám định y pháp số 1611/TT.00 ngày 08/12/2000 của Tổ chức giám định Pháp y- Pháp y tâm thần, Sở Y tế Thành phố H kết luận về tình trạng sức khỏe ông *Trương Quang S như sau: Viêm phế quản cấp do bị ngạt khói. Tỷ lệ thương tật là: 05% (năm phần trăm) vĩnh viễn* (bl.141).

Bản giám định y pháp số 1612/TT.00 ngày 08/12/2000 của Tổ chức giám định Pháp y- Pháp y tâm thần, Sở Y tế Thành phố H kết luận về tình trạng sức khỏe của ông *Nguyễn Thành L như sau: Viêm phế quản cấp do bị ngạt khói. Tỷ lệ thương tật là 05% (năm phần trăm) vĩnh viễn* (bl.139).

Bản giám định y pháp số 1613/TT.00 ngày 08/12/2000 của Tổ chức giám định Pháp y- Pháp y tâm thần, Sở Y tế Thành phố H kết luận về tình trạng sức khỏe của ông *Tạ Hoàng Đ1 như sau: Phồng nhiệt độ I; vành tai trái và cẳng tay trái, sẹo mờ. Tỷ lệ thương tật là 05% (năm phần trăm) vĩnh viễn* (bl.140).

Bản giám định y pháp số 1614/TT.00 ngày 08/12/2000 của Tổ chức giám định Pháp y- Pháp y tâm thần, Sở Y tế Thành phố H kết luận về tình trạng sức

khỏe của ông Đặng Trung P như sau: *Viêm phế quản cấp do bị ngạt khói. Tỷ lệ thương tật là 05% (năm phần trăm) vĩnh viễn (bl.143).*

Đối với bà Nguyễn Thị Bích T3 (nhập viện ngày 23/10/2000, xuất viện ngày 28/10/2000) tại Bệnh viện T7, chuẩn đoán bị: *“viêm phổi/ngạt khí do cháy nhà”* (bl.190); cháu Đào Nguyễn Thảo N (nhập viện ngày 23/10/2000, xuất viện ngày 30/10/2000) tại Bệnh viện N1, chuẩn đoán bị: *“Viêm phổi do hít”*, bà T3 và cháu N không đi giám định thương tật. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nhiều lần mời lên để làm rõ vụ án nhưng bà T3 và cháu N không đến. Qua xác minh, cả hai hiện không có mặt tại địa chỉ nơi cư trú là H67/14C K đường H, Tổ A, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng nên Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm kiếm nhưng chưa có kết quả.

Theo giấy xác nhận 673/GXN ngày 01/12/2000, bà Thảo N bị suy hô hấp nặng, tổn thương nhu mô phổi 2 bên, viêm phổi do hít (bl.183).

Theo văn bản số 806/TCVG-BVG ngày 06/04/2001 của Sở tài chính-vật giá thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố H và Kết luận định giá tài sản số 6033/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố H kết luận *“Do không xác định được nhãn hiệu, model, năm sản xuất, kích thước tài sản cần định giá và thời điểm định giá quá xa so với thời điểm hiện nay (24 năm) nên Hội đồng thống nhất từ chối định giá”* (bl.53-57, 137).

Sau khi gây án, Trần Hữu T bỏ trốn. Đến ngày 08/5/2024, T bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra, T đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu. T khai rằng, trong lúc bỏ trốn, T biết vụ cháy do mình gây ra không có ai bị tử vong và Công an đang truy nã nên T về Cà Mau sinh sống bằng nhiều nghề khác nhau. Sau một thời gian, T đến ngã tư G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, đi làm thợ hồ, chạy xe ba gác thuê, tối đến thì ngủ dưới gầm cầu hoặc trên xe ba gác. Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Hữu T phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định y pháp, lời khai các bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu điều tra đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc xe máy Honda Cub 81 màu xanh (không rõ biển số): Là xe của ông Nguyễn B đưa cho T mượn sử dụng, T đã trả lại cho ông B. Năm 2002, ông B đã bán lại xe cho người khác (không rõ lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, các bị hại Lê Minh V1, Võ Ngọc T1, Nguyễn Thành L, Trương Quang S, Đặng Trung P và Tạ Hoàng Đ1 không yêu bị cáo phải bồi thường.

Đối với ông Đặng Trung P: Ông Đặng Trung P đã chết năm 2022. Ông Đặng Trung P có cha đẻ là ông Đặng Công B1 (đã chết), có mẹ là bà Nguyễn Thị T2,

có vợ là bà Trương Thị Kim M (hiện ở đâu không rõ), có 02 con là Đặng Cửu P1 và Đặng Tuấn Phát H1 đang sống chung với bà T2. Với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Trung P và là người giám hộ cho trẻ P1 và P2, bà T2 cho biết không có yêu cầu gì đối với bị cáo (bl.76).

Tại bản Cáo trạng số 116/CTP H-TPHCM-P2 ngày 14/02/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Hữu T về tội “Giết người” theo điểm a, b, l và n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015).

Đối với hành gây thiệt hại đến tài sản của ông T4: Do không chứng minh được trị giá thiệt hại nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T về tội “Hủy hoại tài sản”(bl. 53-57, 137).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu.

Ông Đ1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường mà chỉ đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ông T4 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 200.000.000đ là giá trị tài sản bị hư hỏng và hủy hoại.

Bị cáo đồng ý với yêu cầu của ông T4.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau:

Căn cứ lời khai của bị cáo, kết quả giám định, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở để xác định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu nên được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử kết án bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng.

Áp dụng điểm điểm a, b, l và n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015,

-Xử phạt bị cáo từ 14 đến 16 năm tù về tội “Giết người”.

-Buộc bị cáo bồi thường cho ông T4 200.000.000đ;

-Ghi nhận việc các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường.

-Tịch thu tiêu hủy 01 (một) can nhựa màu trắng, loại 20 lít, bị cháy xém dẹt (đã qua sử dụng); 01 (một) nắp đậy can nhựa màu đỏ, loại 20 lít (đã qua sử dụng).

Luật sư V bào chữa cho bị cáo như sau: Thống nhất với tội danh, Điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố. Về các tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa bị cáo đã đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T4, bị cáo phạm tội lần đầu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bổ sung tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo với mức án dưới mức mà Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo đồng ý với ý kiến bào chữa của luật sư, không bào chữa bổ sung.

Ông T4 và ông Đ1 không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Bị cáo và bà Tạ Hồ Thị X sống chung với nhau như vợ chồng và có 01 con chung là trẻ Trần Hồ Thu T5 nhưng không đăng ký kết hôn. Do có mâu thuẫn với nhau trong quá trình chung sống, bà X dắt con bỏ trốn ra ở riêng.

Chỉ vì nghi ngờ ông Tạ Hồ Công T4 (anh ruột bà X) che giấu bà X nên T đã gây gỗ với ông T4, đe dọa đốt nhà và bắt cóc con ông T4.

Vào khoảng hơn 10 giờ ngày 23/10/2000, bị cáo đã đi xe máy mang theo 05 lít xăng đựng trong can nhựa, đi đến nhà ông T4 tại địa chỉ số 1, Tổ D, đường A, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số E đường A, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh). Khi đến nơi, bị cáo đổ xăng xuống sàn nhà ở tầng trệt, châm lửa đốt. Vào thời điểm đã nêu, trong nhà ông T4 có con ông T4 là Tạ Hoàng Đ1 (sinh năm 1991) và 07 người ở trọ là bà Nguyễn Thị Bích T3, ông Đặng Trung P, ông Lê Minh V1, ông Nguyễn Thành L, ông Trương Quang S, ông Võ Ngọc T1, bà Đào Nguyễn Thảo N. Vào thời điểm xảy ra sự việc vừa nêu, ông Đ1 và bà N đều mới 9 tuổi.

Khi thực hiện hành vi đã nêu, bị cáo biết được rằng trong nhà ông T4 có ông Đ1 (con ông T4) và nhiều người khác đang sinh sống; bị cáo cũng nhận thức được hành vi của mình là có thể dẫn đến việc tước đoạt sinh mạng của nhiều người nhưng bị cáo vẫn thực hiện và bất chấp hậu quả xảy ra.

Do được quần chúng nhân dân tích cực cứu giúp nên hậu quả chết người chưa xảy ra.

Theo kết quả giám định của cơ quan pháp y thì các bị hại Lê Minh V1, Võ Ngọc T1, Trương Quang S, Nguyễn Thành L, Tạ Hoàng Đ1, Đặng Trung P bị phỏng viêm phổi, viêm phế quản do cháy với tỷ lệ thương tật của mỗi người là 05%.

Theo các tài liệu xác nhận của các bệnh viện nơi bà T3 và bà N được đưa vào cấp cứu và điều trị thì bà T3 bị “viêm phổi/ngạt khí do cháy nhà” (bl.190); bà N bị “suy hô hấp nặng, tổn thương nhu mô phổi 2 bên, viêm phổi do hít” (bl.183).

Hành vi của bị cáo làm hư hỏng tầng trệt, gác gỗ căn nhà của ông T4 và hủy hoại một số tài sản để trong nhà nhưng không xác định được giá trị thiệt hại.

[3].Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác; xâm phạm nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng; gây hoang mang lo sợ cho mọi người. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng do xem thường tính mạng sức khỏe người khác, bị cáo vẫn cố ý phạm tội

[4].Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với các quy định của pháp luật hình sự có hiệu lực vào thời điểm tội phạm xảy ra (23/10/2000), có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm tội “Giết người” theo điểm a, c, l và n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5].Theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì chỉ những quy định nào trong Bộ luật hình sự năm 2015 mà mang tính có lợi cho người phạm tội so với quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 thì mới áp dụng xử lý đối với người phạm tội. Đối chiếu hành vi phạm tội của bị cáo với quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 thì không có quy định nào mang tính có lợi cho bị cáo so với Bộ luật hình sự năm 1999. Như vậy, mặc dù việc Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 là không gây bất lợi cho bị cáo nhưng không phù hợp với nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

[6].Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo:

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có 04 tình tiết định khung tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, đó là “giết nhiều người”, “giết trẻ em”, “bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người” và “có tính chất côn đồ”; hành vi có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội là đặc biệt lớn, nếu không được quần chúng nhân dân cứu giúp kịp thời thì hậu quả gây ra là khôn lường. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự. Do vậy, cần áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên cần áp dụng quy định của pháp luật về phạm tội chưa đạt để xử lý.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999 thì trong trường hợp phạm tội có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, mà điều luật có quy định hình phạt cao nhất là Tù chung thân hoặc Tử hình thì người phạm tội vẫn có thể phải chịu hình phạt Tù chung thân hoặc Tử hình. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự 2015 thì đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là Tù chung thân hoặc Tử hình thì người phạm tội chỉ phải chịu hình phạt tù không quá 20 năm. Đây là quy định mới mang tính có lợi cho bị cáo so với quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, cần áp dụng quy định này đối với bị cáo.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7]. Trong vụ án này, ngoài việc gây tổn hại đến sức khỏe bị hại, hành vi của bị cáo còn gây thiệt hại đến tài sản của ông Tạ Hồ Công T4. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành thu thập các chứng cứ liên quan đến thiệt hại về tài sản của ông T4 để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội “Hủy hoại tài sản”. Tuy nhiên, do sự việc xảy ra đã hơn 20 năm, những chứng cứ thu thập được là có hạn chế, không đủ căn cứ để định giá nên Cơ quan định giá trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố từ chối định giá. Từ lý do đã nêu, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội “Hủy hoại tài sản”. Việc này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Về các biện pháp tư pháp:

Theo quy định tại Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 thì bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại vật chất, tinh thần cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do hành vi phạm tội đã gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, ông Lê Minh V1, ông Võ Ngọc T1, ông Nguyễn Thành L, ông Trương Quang S cho biết không yêu bị cáo phải bồi thường; tại phiên tòa, ông Tạ Hoàng Đ1 cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, cần được ghi nhận.

Tại phiên tòa, ông Tạ Hồ Công T4 và bị cáo thỏa thuận như sau: Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho ông T4 200.000.000đ tiền thiệt hại về tài sản bị hủy hoại, hư hỏng. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của đôi bên. Do vậy, căn cứ theo Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015, cần được ghi nhận.

Đối với ông Đặng Trung P: Ông Đặng Trung P đã chết năm 2022. Ông Đặng Trung P có cha đẻ là ông Đặng Công B1 (đã chết), có mẹ là bà Nguyễn Thị T2, có vợ là bà Trương Thị Kim M (hiện ở đâu không rõ), có 02 con là Đặng Cửu P1 và Đặng Tiến Phát H2 đang sống chung với bà T2. Trong quá trình điều tra, bà T2 với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Trung P

và là người giám hộ của trẻ P1 và P2 cho biết không yêu cầu bị cáo phải bồi thường (bl.76). Đây là ý chí tự nguyện của bà T2, cần được ghi nhận.

Đối với bà Trương Thị Kim M, bà Nguyễn Thị Bích T3 và bà Đào Nguyễn Thảo N: Theo kết quả điều tra thì bà M, bà T3 và bà N đã đi khỏi địa phương nơi cư trú, hiện không rõ ở đâu. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho bà M, bà T3 và bà N, căn cứ theo Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tách vấn đề dân sự liên quan đến bà M, bà T3 và bà N để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Đối với 01 (một) can nhựa màu trắng, loại 20 lít, bị cháy xém dập (đã qua sử dụng); 01 (một) nắp đậy can nhựa màu đỏ, loại 20 lít (đã qua sử dụng): Đây là vật được sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn sử dụng được nên căn cứ theo khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, cần tịch thu tiêu hủy.

[9].Các nhận định đã nêu cũng là lập luận để chấp nhận hoặc không chấp nhận ý kiến của bị cáo, luật sư bào chữa, đề nghị của Viện kiểm sát.

[10].Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ a, c, l và n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015,

1.Xử phạt bị cáo **Trần Hữu T** 16 (mười sáu) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2024.

2.Về các biện pháp tư pháp:

Ghi nhận theo hồ sơ vụ án việc ông Lê Minh V1, ông Võ Ngọc T1, ông Nguyễn Thành L, ông Trương Quang S và bà Nguyễn Thị T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Ghi nhận tại phiên tòa việc ông Tạ Hoàng Đ1 không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tách vấn đề dân sự liên quan đến bà Nguyễn Thị Bích T3, bà Đào Nguyễn Thảo N và bà Trương Thị Kim M để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Ghi nhận việc thỏa thuận giữa bị cáo Trần Hữu T với ông Tạ Hồ Công T4 như sau: Bị cáo Trần Hữu T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Tạ Hồ Công T4 200.000.000đ tiền thiệt hại về tài sản do tội phạm gây ra.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Tạ Hồ Công T4 cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường đã nêu, bị cáo Trần Hữu T còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) can nhựa màu trắng, loại 20 lít, bị cháy xám đen (đã qua sử dụng); 01 (một) nắp đậy can nhựa màu đỏ, loại 20 lít (đã qua sử dụng).

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2025/263 ngày 17/3/2025 được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC02 Công an Thành phố H.

3. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và được hợp nhất theo văn bản 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Q (Luật thi hành án dân sự), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------------|------|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - Cục THADS TP.HCM; | (1) |
| - Sở tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Trại giam; | (1) |
| - Người bào chữa; | (1) |
| - Đương sự; | (10) |
| - THAHS TP.HCM; | (1) |
| - Phòng PC53 - CA TP. HCM; | (1) |
| - UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ. (30) | (8) |

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân